

Bản án số: 29/2018/HS-ST

Ngày: 29-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Sơn Tùng.

Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Êm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2018/TLST-HS ngày 25 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. H (còn có tên là HĐ), sinh năm 1998, tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: ấp L, xã LB, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông V và bà H1 (đã chết); vợ, con: chưa có; tiền án: 01 lần (Bản án số: 14/2018/HS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xử phạt 01 năm tù, về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”, đang chấp hành án phạt tù.); tiền sự: 01 lần (Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã số 70/QĐ-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã LB, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, hình thức cai nghiện tự nguyện tại gia đình, thời hạn 03 tháng, từ ngày 05 tháng 01 đến ngày 05 tháng 4 năm 2018, về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”.); nhân thân: 01 lần (Quyết định xử phạt hành chính số 17/QĐ-XPVPHC ngày 21 tháng 10 năm 2016 của Công an xã LB, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, phạt tiền 375.000đ, về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”.); bị bắt, tạm giam: không (bị cáo đang chấp hành án phạt tù từ ngày 28 tháng 6 năm 2018); có mặt.

2. T (còn có tên là THL), sinh năm 1987, tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: khóm A, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông L (đã chết) và bà N; có vợ và 02 con; tiền án: 01 lần (Bản án số: 16/2017/HS-PT ngày 18 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, xử phạt 09 tháng tù, về “Tội trộm cắp tài sản”, chấp hành án xong ngày 30 tháng 7 năm 2017.); tiền sự: 01 lần (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 20/QĐ-XPVPHC ngày 29 tháng 7 năm 2018 của Công an phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp, phạt tiền 750.000đ, về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”.); nhân thân: 01 lần (Quyết định áp dụng xử lý vi phạm hành chính bằng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh số 27/QĐ-XLHC-CSCB ngày 12 tháng 7 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp, thời hạn 24 tháng, về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”.); bị bắt, tạm giam ngày 06 tháng 8 năm 2018; có mặt.

- Bị hại:

1. D, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2000; nơi cư trú: ấp LT, xã LB, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

2. N1, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2004; nơi cư trú: ấp LB, xã LA, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

3. T1 (còn có tên là N2), sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

4. L1, sinh năm 1944; nơi cư trú: ấp L, xã LB, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Người đại diện theo pháp luật của bị hại D là bà T2, sinh năm 1969; nơi cư trú: ấp LH, xã LT, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; là mẹ; vắng mặt.

2. Người đại diện theo pháp luật của bị hại N1 là bà N3, sinh năm 1968; nơi cư trú: ấp LB, xã LA, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; là mẹ; vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại N1: Bà T3 là luật sư ký hợp đồng trợ giúp pháp lý, thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp, Chi nhánh số 2; có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại D: Ông T4 là luật sư thành viên của Văn phòng Luật sư X thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. N4 (còn có tên là R), sinh năm 1984; nơi cư trú: Khóm X, phường AT, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

2. V1, sinh năm 1966; nơi cư trú: ấp L, xã LB, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

- *Người làm chứng*: D1, M, L2, H2, P, Đ, D2, C, M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

H có quen biết D. Vào khoảng 17 giờ ngày 19 tháng 5 năm 2018, H nhờ D đến quán LT, thuộc ấp L, xã LB, rước H. D điều khiển xe gắn máy biển số 66GA-xxxxx đến rước. H điều khiển xe chở D xuống Công an xã LB lấy giấy tờ nhưng không có. H tiếp tục điều khiển xe đến nhà D2, ngụ ấp LT, xã LB, để rủ D1 đi uống rượu nhưng D1 không đồng ý. Đến khoảng 17 giờ 25 phút cùng ngày, H hỏi mượn xe của D đi lấy điện thoại ở tiệm ĐN, khoảng 15 phút trả xe, nên D đồng ý. H lấy xe đi uống rượu. Đến 21 giờ cùng ngày, H nảy sinh ý định đem xe đi cầm, nên điều khiển xe trên cầm cho anh N4, chủ tiệm cầm đồ NY, ở khóm X, phường AT, thị xã H, với giá 3.000.000đ. H dùng số tiền cầm xe để chuộc lại xe của người tên N2 mà H đã cầm trước đó và tiêu xài cá nhân. Ngày 22 tháng 5 năm 2018, không thấy H mang xe trả nên D trình báo Công an.

Vào khoảng 01 giờ, ngày 15 tháng 6 năm 2018, tại nhà ông M, thuộc khóm BH, phường AT, thị xã H, T, H cùng ông M1 sử dụng ma túy. Lúc này H nói với T “Em biết chỗ ở LK có gà, anh đi không?”, ý rủ đi trộm gà, thì T đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô của ông M1 chở H và ông M1 đến nhà T5, tại khóm Y, phường AT, tiếp tục sử dụng ma túy. Đến khoảng 02 giờ cùng ngày, T hỏi mượn xe ông M1 chở H đi lấy đồ. Ông M1 nghĩ là lấy ma túy nên đồng ý.

T điều khiển xe chở H đến ấp L, xã LB, huyện H, để xe tại nhà H. Cả hai đi bộ tìm gà để trộm nhưng không trộm được, đi bộ đến nhà bà L1, thấy nhà không khóa cửa. T canh đường, H vào lấy trộm 01 điện thoại hiệu Nokia 1208 màu đen, bỏ vào túi quần. Sau đó T và H đi vòng ra sau nhà bà L1 thì bị lạc nhau. H trở về nhà tìm T, khi đi ngang nhà anh T1, thấy nhà không khóa cửa, nên H vào nhà tìm tài sản trộm. H thấy 01 điện thoại di động hiệu Nokia X1 trên đầu giường, lấy bỏ vào túi quần và phát hiện trên bàn thờ có chìa khóa xe mô tô nên H lấy cầm trên tay, đi về nhà gặp T. H nói “anh T ơi, em phục được rồi, xe còn mới”, nghĩa là có xe để trộm. T định chở H đi lấy trộm xe của T1, nhưng xe không đề máy được nên H đi bộ đến nhà anh T1. Xe mô tô biển kiểm soát 66K1-xxxxx dựng ở phía trước nhà, H dẫn xe xuống đường điều khiển, còn T điều khiển xe ông M1 đi dò qua thị xã H. Sau đó, T điều khiển xe về nhà T5 nhưng không gặp H, T sợ không được chia tiền bán xe nên đi tìm thì gặp H tại nhà ông M1. T kêu H đem xe gửi thì H đồng ý. T dẫn xe 66K1-xxxxx dựng trước cửa quán BP rồi chở H đến nhà T5 trả xe ông M1. Sau đó, T nhờ ông M1 đưa lại quán BP. T lấy xe đến rước H đi huyện T, mục đích qua Campuchia bán xe lấy tiền tiêu xài. Khi đến chợ T thì bị lực lượng Công an bắt quả tang cùng tang vật.

Trong quá trình điều tra, H còn khai nhận vào khoảng 04 giờ, ngày 10 tháng 6 năm 2018, H đi bộ theo hướng xã LA để tìm tài sản trộm. Đến nhà N1, thuộc ấp LB, xã LA, thấy không khóa cửa, H đi vào thấy trong mùng có người đang ngủ và điện thoại đang sạc. H dùng tay gỡ mùng lấy trộm điện thoại Oppo A37W cùng dây sạc và 01 cục sạc dự phòng bỏ vào túi quần, thì N1 phát hiện truy hô. H chạy thoát. Sau đó, H đem bán điện thoại cho chị V1 với giá 1.200.000đ, tiêu xài cá nhân, còn dây và cục sạc điện thoại bỏ mất.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 66K1-xxxxx, nhãn hiệu Suzuki, loại Smash REVO, màu đỏ đen; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1208 màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Nokia X1 màu đỏ đen, là các tài sản mà H và T lấy trộm của các bị hại. Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp L1, L2 và T1.

- 01 xe gắn máy biển kiểm soát 66GA-xxxxx, nhãn hiệu VIET THAI, màu trắng, là tài sản H lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của bị hại D. Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp D.

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 66N2-xxxx, nhãn hiệu SAVAHA, màu sơn đen, là tài sản bị mất trộm tại huyện TB. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã giao lại cho Công an huyện TB giải quyết theo quy định.

Tại các Bản kết luận định giá tài sản số 09 ngày 01 tháng 6 năm 2018, số 10 ngày 29 tháng 6 năm 2018, số 11 ngày 20 tháng 7 năm 2018 và số 12 ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận: Xe gắn máy biển số 66GA-xxxxx, trị giá 9.600.000đ; xe mô tô biển số 66K1-xxxxx, trị giá 6.500.000đ; điện thoại Nokia 1208, trị giá 100.000đ; điện thoại Nokia X1, trị giá 200.000đ; điện thoại Oppo A37W, trị giá 2.200.000đ; sạc dự phòng, trị giá 100.000đ; dây sạc Oppo, trị giá 20.000đ.

Bị hại D cùng đại diện hợp pháp T2, bị hại L1, T1 đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường thiệt hại dân sự. Anh N4 là người cầm xe gắn máy biển số 66GA-xxxxx của H với giá 3.000.000đ, không yêu cầu H trả lại hay bồi thường thiệt hại dân sự.

Bị hại N1 và đại diện hợp pháp N3 yêu cầu H bồi thường thiệt hại tài sản bị mất số tiền 3.590.000đ. H thống nhất bồi thường.

Tại Cáo trạng truy tố số 19/CT-VKSHN ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm g, h, i khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS), xử phạt bị cáo H từ 15 đến 18 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản” và từ 09 đến 12 tháng tù về “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt 02 tội là 24 đến 30 tháng tù và đề nghị tổng hợp với bản án đang chấp hành; xử phạt

bị cáo T từ 06 đến 09 tù về Tội trộm cắp tài sản. Các vấn đề khác giữ nguyên như cáo trạng.

Bị cáo H thống nhất đề nghị của Kiểm sát viên không có tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo T thống nhất đề nghị của Kiểm sát viên không có tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại N1, bà T3 phát biểu ý kiến: Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng, thống nhất theo ý kiến của Kiểm sát viên. Về dân sự: Bị cáo thống nhất bồi thường thiệt hại 3.590.000đ, đề nghị buộc bị cáo bồi thường cho bị hại N1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại D, ông T4 phát biểu ý kiến: Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là xe của bị hại D. Thống nhất theo cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên. Về dân sự: Bị hại tự nguyện không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo H, T khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đã chứng minh được:

[2] Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo H đã lợi dụng sự tin tưởng, tín nhiệm của người bị hại D giao tài sản là chiếc xe gắn máy biển số 66GA-xxxxx, trị giá 9.600.000đ, cho bị cáo mượn, dùng tài sản đó đem cầm để tiêu xài cá nhân, rồi lẩn tránh không trả lại tài sản cho bị hại. Bị cáo H lấy trộm điện thoại di động Oppo A37W, dây sạc và cục sạc dự phòng của bị hại N1 trị giá 2.320.000đ. Hai bị cáo H và T cùng nhau trộm cắp tài sản của bị hại T1 là xe mô tô biển số 66K1-xxxxx, trị giá 6.500.000đ và điện thoại di động Nokia X1, trị giá 200.000đ; tài sản của bị hại L1 là điện thoại di động Nokia 1208, trị giá 100.000đ. Do đó, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo H phạm 02 tội là “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Tội trộm cắp tài sản”, bị cáo T phạm “Tội trộm cắp tài sản”, các bị cáo là đồng phạm trong “Tội trộm cắp tài sản” đối với bị hại T1 và L1.

[3] BLHS quy định:

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...

Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;...

Điều 17. Đồng phạm

1. Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm...”

[4] Như vậy, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo H và T là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

[6] Các bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, trực tiếp xâm phạm, gây thiệt hại về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì lười biếng lao động, không có nghề nghiệp ổn định, nghiện ngập ma túy, muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động chân chính nên các bị cáo dấn thân vào con đường phạm tội. Hành vi của các bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân hoang mang lo lắng; là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự bất chấp, xem thường pháp luật, nên phải xử phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Trong vụ án này, bị cáo H là người khởi xướng, rủ rê, cùng nhau thực hiện tội phạm trộm cắp tài sản.

[7] Mục đích của hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm; làm cho tình hình an ninh trật tự ở địa phương ngày càng được cải thiện theo hướng tích cực, nhân dân an tâm lao động, sinh sống.

[8] Về nhân thân: Bị cáo H là thành phần nhân dân lao động, còn 01 tiền sự; đã từng bị xử phạt hành chính vào năm 2016. Bị cáo T là thành phần nhân dân lao động, còn 01 tiền án, 01 tiền sự; từng bị xử lý hành chính vào năm 2012.

[9] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H phạm tội 02 lần trở lên, phạm tội đối với người dưới 16 tuổi là bị hại N1. Bị cáo T tái phạm. Cả hai bị cáo phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên là bị hại L1. Các tình tiết tăng nặng này quy định tại các điểm g, h, i khoản 1 Điều 52 BLHS.

[10] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo H là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; mẹ của bị cáo chết từ năm 2007 nên thiếu đi sự giáo dục từ mẹ, trình độ học vấn thấp nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế. Đối với bị cáo T là phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn vì tài sản được thu hồi ngay sau khi trộm trả lại cho các bị hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; cha bị cáo đã chết khoảng 15 năm nên cũng thiếu đi sự giáo dục của cha. Các tình tiết này được quy định tại các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ cho các bị cáo khi quyết định hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo H bồi thường thiệt hại cho bị hại N1 số tiền 3.590.000đ như đã thỏa thuận là phù hợp với quy định tại Điều 48 BLHS, Điều 584, khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Còn lại các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu nên không xem xét.

[12] Xét tại cáo trạng cũng như tại phiên tòa, Viện kiểm sát đề nghị buộc bà Vân nộp lại số tiền 300.000đ, tiền bán chiếc điện thoại Oppo A37W đã mua của bị cáo H là chưa phù hợp nên không chấp nhận vì đây không phải là tiền thu lợi bất chính. Bà Vân đã mua chiếc điện thoại với giá 1.200.000đ, nếu thu hồi được tài sản hoặc số tiền thu hồi được phải được trả lại cho bị hại N1 theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của BLHS, chứ không thể sung vào công quỹ nhà nước. Còn bà Vân có yêu cầu thì bị cáo phải trả lại tiền cho bà Vân, nhưng bà Vân không có yêu cầu. Bị hại N1 thống nhất chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường, như nhận định trên thì bị cáo H phải bồi thường thiệt hại cho bị hại N1. Do đó, không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[13] Về vật chứng: Đã xử lý xong, đúng quy định.

[14] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[15] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm a khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, i khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 55, 56 và 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đối với bị cáo H; khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm h, i khoản 1 Điều 52, Điều 17 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đối với bị cáo T; các Điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 30, 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 23, 26 và Danh mục án phí, lệ phí tòa án kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: Bị cáo H phạm “Tội trộm cắp tài sản” và “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo T phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo H 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản” và 09 (Chín) tháng tù về “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội là 02 (Hai) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 01 (Một) năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” tại bản án số 14/2018/HS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 6 năm 2018.

3. Xử phạt bị cáo T 01 (Một) năm tù về “Tội trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 06 tháng 8 năm 2018.

4. Về dân sự: Buộc bị cáo H bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại N1 số tiền 3.590.000đ (Ba triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng).

5. Về án phí: Buộc bị cáo H và bị cáo T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về thi hành án dân sự:

6.1. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6.2. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

(29/11/2018). Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú